

5.64. Phường Chiềng Sinh

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Đường Lê Duẩn					
1.1	Từ viện Quân Y 6 đến hết địa phận phường Chiềng Sinh (hướng về Sơn La)	19.800	11.800	8.500	5.400	2.700
1.2	Từ hết Viện Quân Y 6 đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 14	13.750	8.250	6.100	3.800	2.500
1.3	Đoạn từ hết đất cây xăng 14 đến đường rẽ vào công nhà văn hóa tổ 5 phường Chiềng Sinh	10.450	6.200	4.700	3.800	1.900
1.4	Từ đường rẽ vào nhà văn hóa tổ 5 đến ngã ba đường Lê Quý Đôn giao đường Lê Duẩn	13.200	7.900	5.900	3.600	2.400
1.5	Từ ngã ba đường Lê Quý Đôn giao đường Lê Duẩn (hết trụ sở cơ sở 2 Công an tỉnh) đến hết địa phận phường Chiềng Sinh (hướng đi Hà Nội)	12.650	7.500	5.700	3.300	2.200
2	Đường Trần Phú					
-	Từ ngã tư cơ khí đi hết Ngã tư bản Ca Láp	9.300	5.600	4.100	2.400	1.600
3	Đường Lê Trọng Tấn					
-	Ngã ba Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến chân dốc Noong Đức	15.100	9.000	6.700	4.600	2.600
4	Đường Lê Quý Đôn					
-	Đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6 mới) đến hết địa phận phường Chiềng Sinh	9.300	5.600	4.100	2.700	1.800
5	Đường Bùi Thị Xuân					
5.1	Từ ngã ba đường Lê Duẩn rẽ đường Bùi Thị Xuân (Trại trẻ mồ côi cũ) đến hết số nhà 58	9.800	5.900	4.500	3.000	1.950
5.2	Từ hết số nhà 58 đến ngõ 216 (Cổng chào nhà văn hóa tổ 7 phường Chiềng Sinh)	9.200	5.500	4.100	2.700	1.850
5.3	Từ ngõ số 216 (Cổng chào nhà văn hóa tổ 7 phường Chiềng Sinh) đến hết số nhà 344.	10.900	6.500	5.000	3.300	2.200

STT	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.4	Từ hết số nhà 344 đến hết địa phận phường Chiềng Sinh	9.200	5.500	4.100	2.700	1.850
6	Quốc lộ 4G					
-	Từ điểm Bưu điện phường Chiềng Sinh (tổ 6) đến hết địa phận phường Chiềng Sinh (hướng đi Sông Mã cũ)	10.900	6.500	5.000	3.300	1.850
7	Đặng Thai Mai					
-	Từ ngã ba (hết công trường đại học Tây Bắc) đến hết khu tập thể giáo viên Đại học Tây Bắc (thuộc địa phận phường Chiềng Sinh)	8.800	5.500	3.000	2.000	1.200
8	Đường Quốc lộ 6 (đoạn tránh thành phố)					
8.1	Từ Km 291 + 160 m giáp địa phận xã Chiềng Mung đến Km 291 + 935 m tổ 17 phường Chiềng Sinh	5.400	3.200	2.300	1.600	1.150
8.2	Từ Km 292 + 410 m giáp địa phận xã Chiềng Mung đến Km 293 + 470 m thuộc tổ 7 phường Chiềng Sinh	5.200	2.800	2.300	1.600	1.150
8.3	Từ Km 295 + 860 m giáp địa phận xã Chiềng Mai đến Km 297 giáp địa phận phường Chiềng Cơi	5.750	3.200	2.300	1.600	1.150
8.4	Từ Km 297 + 860 m đến Km 298 + 800 m giáp địa phận phường Chiềng Cơi	5.200	2.800	2.300	1.600	1.150
9	Đường Lê Hồng Phong					
-	Từ ngã ba UBND xã Chiềng Ngần cũ đến ngã tư bản Ca Láp	2.400	1.200	900	700	600
10	Đường Nguyễn Văn Cừ					
10.1	Đoạn từ đường rẽ vào trường tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp) đến ngã ba UBND xã Chiềng Ngần cũ	2.500	1.700	900	500	300
10.2	Từ đường rẽ vào trường tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp) đến hết địa phận phường Chiềng Sinh (hướng đi đường Lê Đức Thọ)	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
11	Đường Chu Văn An					
-	Đoạn giao nhau nhánh 1 và đường Đặng Thai Mai	5.500	3.300	2.500	1.650	1.100
12	Khu quy hoạch đô thị; khu dân cư					

STT	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
12.1	Khu dân cư Tổ 8, phường Chiềng Sinh (khu quy hoạch tái định cư Noong Đức cũ và khu quy hoạch mới phía sau trường Cao đẳng Sơn La)					
-	Đường quy hoạch 21 m trở lên	9.680				
-	Đường quy hoạch từ 15,5m đến 16,5m	8.470				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	7.260				
-	Đường quy hoạch từ 5,0 m trở lên	6.050				
12.2	Khu quy hoạch tổ 2 phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 15 m	6.600				
-	Đường quy hoạch trên 15 m	7.150				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	4.400				
-	Đường quy hoạch dưới 7,5 m	2.200				
12.3	Khu tái định cư Trường Đại học Tây Bắc					
-	Đường quy hoạch 11 m	7.400				
12.4	Khu dân cư bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 30m trở lên	11.170				
-	Đường quy hoạch 12 m đến 13,5 m	8.900				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	6.600				
-	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	4.400				
12.5	Khu dân cư và dịch vụ ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 25 m	7.600				
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	6.600				
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	5.800				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	5.600				
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m	5.000				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5 m	4.500				
12.6	Khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính - Văn hóa Phật giáo Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m.	9.680				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m.	4.840				
-	Đường quy hoạch rộng từ 7m đến 7,5 m.	3.630				
12.7	Khu tái định cư bệnh viện đa khoa 550 giường tỉnh Sơn La					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	5.500				

STT	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch 10,5 m	4.400				
12.8	Khu tái định cư Trường Trung cấp Luật Tây Bắc, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 21 m	5.500				
-	Đường quy hoạch 16,5m	4.400				
-	Đường quy hoạch 13,5m	4.180				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	3.960				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	3.740				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	3.520				
-	Đường quy hoạch 4 m	3.300				
12.9	Khu dân cư tại tổ 5, (khu vực Trạm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch từ 20,5m đến 21m	7.480				
-	Đường quy hoạch 16,5m	6.380				
-	Đường quy hoạch 13m	5.500				
-	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	4.950				
-	Đường quy hoạch 7m	4.400				
-	Đường quy hoạch 5,5m	3.850				
12.10	Khu quy hoạch dân cư trường Cao Đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	1.400				
13	Các tuyến đường trên địa bàn phường Chiềng Sinh (trừ các khu vực đã được quy định giá đất)					
13.1	Từ ngã tư Ca Láp đến hết sân tập trường lái	1.650	1.160	770	550	400
13.2	Từ ngã tư bản Ca Láp đi hết cổng trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	1.680	1.050	740	530	320